



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

08/UBCK-GPHĐQLQ	ngày 25 tháng 10 năm 2006
01/UBCK-GP	ngày 17 tháng 7 năm 2007
14/UBCK-GPĐC	ngày 29 tháng 4 năm 2008
28/UBCK-GPĐC	ngày 11 tháng 12 năm 2008
38/UBCK-GP	ngày 19 tháng 3 năm 2009
09/GPĐC-UBCK	ngày 9 tháng 5 năm 2014
05/GPĐC-UBCK	ngày 6 tháng 6 năm 2017
78/GPĐC-UBCK	ngày 2 tháng 12 năm 2020

Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 78/GPĐC-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2020 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

4103005204 ngày 28 tháng 8 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh lần thứ nhất vào ngày 25 tháng 10 năm 2006. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Cung Trần Việt	Thành viên
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên
Ông Phạm Pho Hop	Thành viên

**Tổng Giám đốc kiêm người
đại diện theo pháp luật**

Ông Phạm Pho Hop

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Phòng 2303, Lầu 23, Tòa nhà Lim
9-11 đường Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 56.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của chúng tôi bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.


Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00356-21-1




Chong Kwang Puay
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2019-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2021



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B01a – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		190.592.159.151	186.323.019.727
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	26.829.507.890	9.433.478.423
Tiền	111		15.829.507.890	9.433.478.423
Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5(a)	159.790.294.805	167.221.654.221
Đầu tư ngắn hạn	121		160.266.443.278	167.221.654.221
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(476.148.473)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.385.671.208	9.424.281.952
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.000.000.000	6.748.016.030
Trả trước cho người bán	132	7	1.528.148.996	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	8	1.238.709.667	2.602.557.195
Phải thu ngắn hạn khác	135	9	618.812.545	1.073.708.727
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		586.685.248	243.605.131
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		586.685.248	243.605.131
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		12.734.783.860	12.417.992.340
Các khoản phải thu dài hạn	210		994.188.484	681.393.484
Phải thu dài hạn khác	218	11	994.188.484	681.393.484
Tài sản cố định	220		127.702.233	70.000.011
Tài sản cố định hữu hình	221	12	71.702.220	-
<i>Nguyên giá</i>	222		2.909.172.775	2.831.382.775
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.837.470.555)	(2.831.382.775)
Tài sản cố định vô hình	227	13	56.000.013	70.000.011
<i>Nguyên giá</i>	228		955.209.540	955.209.540
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(899.209.527)	(885.209.529)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	11.517.284.576	11.536.205.656
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.960.000.000	1.960.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		9.600.000.000	9.600.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(42.715.424)	(23.794.344)
Tài sản dài hạn khác	260		95.608.567	130.393.189
Chi phí trả trước dài hạn	261		95.608.567	130.393.189
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		203.326.943.011	198.741.012.067

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.300.441.435	2.918.679.115
Nợ ngắn hạn	310		3.990.441.435	2.608.679.115
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	875.562.557	875.808.178
Phải trả người lao động	315		1.288.333.335	593.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	15	718.832.608	615.908.002
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		36.257.235	36.257.235
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		487.705.700	487.705.700
Doanh thu chưa thực hiện	328		583.750.000	-
Nợ dài hạn	330		310.000.000	310.000.000
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	16	310.000.000	310.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		199.026.501.576	195.822.332.952
Vốn chủ sở hữu	410	18	199.026.501.576	195.822.332.952
Vốn cổ phần	411	17	130.000.000.000	130.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(2.608.500.000)	(2.608.500.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.511.687.765	2.511.687.765
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.511.687.765	2.511.687.765
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		66.611.626.046	63.407.457.422
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		203.326.943.011	198.741.012.067

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	004		80.293.339	80.293.339
Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		29.190.230.000	13.797.600.000
Trong đó:				
- Chứng khoán giao dịch theo mệnh giá	007		29.190.230.000	13.797.600.000
Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ theo mệnh giá	020		82.463.443.400	101.146.943.400
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	20	1.552.559.405	1.059.418.193
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		731.174.151	218.419.538
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		821.385.254	840.998.655
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	21	93.311.933.089	55.811.933.089
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		85.965.099.771	48.465.099.771
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		7.346.833.318	7.346.833.318
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	22	-	220.000
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	23	3.351.415.343	2.598.223.241

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B02a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	24	805.297.207	1.227.176.456
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	25	7.903.037.343	5.363.485.838
Lỗ gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		(7.097.740.136)	(4.136.309.382)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	16.398.359.267	2.657.971.432
Chi phí tài chính	22	27	1.626.051.045	5.154.900.997
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	3.828.852.806	2.304.522.839
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		3.845.715.280	(8.937.761.786)
Thu nhập khác	31		32.386.616	20.727.870
Chi phí khác	32		32.386.616	20.727.870
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.845.715.280	(8.937.761.786)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	641.546.656	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.204.168.624	(8.937.761.786)
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	30	246	(688)

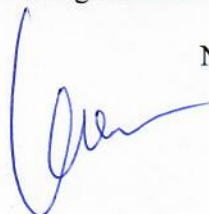
Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ và doanh thu khác	01	2.811.269.735	8.387.069.679
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(8.025.431.827)	(3.449.687.964)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.178.000.000)	(4.475.250.000)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(422.411.809)	(305.478.100)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	509.426.783	671.785.566
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.414.014.620)	(2.243.008.677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.719.161.738)	(1.414.569.496)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(77.790.000)	-
Tiền chi mua trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi	23	(30.105.205.479)	(27.000.000.000)
Tiền thu trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi đến hạn	24	50.180.328.767	15.066.575.342
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(82.728.567.518)	(46.055.750.701)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	89.019.953.798	54.580.587.954
Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.826.471.637	3.446.601.354
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	28.115.191.205	38.013.949
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	17.396.029.467	(1.376.555.547)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	9.433.478.423	43.478.011.915
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	26.829.507.890	42.101.456.368

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 78/GPĐC-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2020.

Tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty theo quy định trong Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 130.000 triệu VND.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 15 nhân viên (31/12/2020: 14 nhân viên) trong đó có 10 nhân viên (31/12/2020: 10 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chính sách kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký số cái.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thực tế trên thị trường thấp hơn giá hạch toán trên sổ sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá thực tế trên thị trường là giá chứng khoán thực tế tại Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán, giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa được niêm yết (“UPCOM”)), giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch thì giá thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại ngày gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong trường hợp Công ty không thể xác định giá thực tế của chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và chứng chỉ tiền gửi với thời gian đáo hạn gốc trên ba tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------|-------|
| ▪ nâng cấp văn phòng | 5 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Điều 3, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, trừ đi các ảnh hưởng của thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để chi trả cổ tức.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(m) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Cung cấp dịch vụ

Phí tư vấn tài chính, phí quản lý danh mục đầu tư, phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, phí mua lại và phí phát hành chứng chỉ quỹ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng theo các điều khoản và điều kiện của các hợp đồng được ký với khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông lớn và các công ty liên quan đến các cổ đông lớn này và các quỹ do Công ty quản lý.

(s) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam nếu không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền mặt	87.744.942	21.969.030
Tiền gửi ngân hàng	15.741.762.948	9.411.509.393
Các khoản tương đương tiền (*)	11.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	26.829.507.890	9.433.478.423

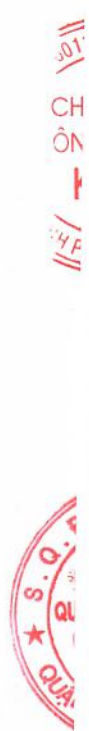
(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm 3,9%. Chi tiết như sau:

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt, bên liên quan	11.000.000.000	-

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư ngắn hạn

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Chứng khoán kinh doanh (i)	140.266.443.278	127.146.530.933
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ii)	20.000.000.000	40.075.123.288
	160.266.443.278	167.221.654.221



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(i) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2021			31/12/2020				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thực tế trên thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thực tế trên thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM								
▪ OCB	1.518.450	23.187.406.172	46.616.415.000	-	-	-	-	-
▪ MML	200.000	9.758.696.664	12.000.000.000	-	100.500	4.523.124.525	5.095.350.000	-
▪ FPT	120.750	8.188.925.345	10.626.000.000	-	100.000	5.716.255.541	5.910.000.000	-
▪ VTP	90.282	7.482.490.135	7.439.236.800	(43.253.335)	50.000	5.388.140.105	5.425.000.000	-
▪ CTG	120.000	6.179.420.985	6.324.000.000	-	-	-	-	-
▪ HNG	440.000	5.171.367.138	4.752.000.000	(419.367.138)	130.000	1.836.250.246	1.891.500.000	-
▪ DPM	200.860	3.644.552.899	4.780.468.000	-	606.260	11.029.889.727	11.397.688.000	-
▪ RDP	198.592	1.664.110.862	1.916.412.800	-	-	-	-	-
▪ TCB	20.000	1.026.025.000	1.054.000.000	-	-	-	-	-
▪ HPG	10.000	528.528.000	515.000.000	(13.528.000)	-	-	-	-
▪ NVL	89	4.643.090	10.769.000	-	-	-	-	-
▪ VRE	-	-	-	-	-	-	-	-
▪ STB	-	-	-	-	155.000	4.606.387.281	4.867.000.000	-
▪ VHM	-	-	-	-	200.000	3.351.519.748	3.380.000.000	-
▪ -	-	-	-	-	38.000	3.198.361.440	3.401.000.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết								
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C	1.250.100	12.501.000.000	12.501.000.000	-	-	-	-	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (“OCB”)	-	-	-	-	1.818.450	26.567.325.332	31.277.340.000	-
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết								
VCAMBF (*)	5.840.244,34	60.929.276.988	90.476.598.096	-	5.840.244,34	60.929.276.988	74.941.139.334	-
		140.266.443.278	199.011.899.696	(476.148.473)		127.146.530.933	147.586.017.334	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty nắm giữ 87% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ này (31/12/2020: 90%).

Công ty không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Công ty đầu tư. Theo đó, Công ty không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư mà chỉ nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn. Do đó, các khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận như chứng khoán kinh doanh theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(c)(i), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	-	12.684.121.359
Trích lập dự phòng trong kỳ	476.148.473	10.415.018.364
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(21.726.031.734)
Số dư cuối kỳ	476.148.473	1.373.107.989

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021		31/12/2020	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Chứng chỉ tiền gửi	200	20.000.000.000	270	27.000.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	13	13.075.123.288
	200	20.000.000.000	283	40.075.123.288

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2021			31/12/2020		
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Số lượng	Nguyên giá VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Số lượng	Nguyên giá VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures (i)	49%	196.000	1.960.000.000	49%	196.000	1.960.000.000
Đầu tư dài hạn khác						
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu (ii)	10%	960.000	9.600.000.000	10%	960.000	9.600.000.000
			<u>11.560.000.000</u>			<u>11.560.000.000</u>
			(42.715.424)			(23.794.344)

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0315257305 ngày 16 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính. Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures bắt đầu hoạt động từ ngày 5 tháng 9 năm 2018.

(ii) Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 3500822035 ngày 2 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 12 năm 2007.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Phải thu từ bán chứng khoán chưa niêm yết – Công ty Cổ phần E-Study School (i)	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết (ii)	-	5.748.016.030
	1.000.000.000	6.748.016.030

- (i) Khoản phải thu này đã quá hạn và Công ty đã trích lập dự phòng 100% (Thuyết minh 10).
- (ii) Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết thể hiện số tiền phải thu từ việc bán chứng khoán niêm yết được thanh toán sau hai (2) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+2) theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).

7. Trả trước cho người bán

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn – Thiết kế Kiến trúc Trường và Phúc	1.516.548.996	-
Khác	11.600.000	-
	1.528.148.996	-

31120
 CHIN
 ONG
 KP
 PHO

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2021		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn				
Phải thu từ giao dịch bán cổ phần trong Công ty Cổ phần E-Study School	2.008	1.000.000.000	1.000.000.000	-
<hr/>				
	Số ngày quá hạn	31/12/2020		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn				
Phải thu từ giao dịch bán cổ phần trong Công ty Cổ phần E-Study School	1.827	1.000.000.000	1.000.000.000	-
<hr/>				

11. Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ thuê văn phòng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Số 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
 Điện thoại: 028.3821.1111
 Website: www.bvsc.com.vn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	955.209.540
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	885.209.529
Khấu hao trong kỳ	13.999.998
Số dư cuối kỳ	899.209.527
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	70.000.011
Số dư cuối kỳ	56.000.013

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 815.209.540 VND (31/12/2020: 815.209.540 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số được hoàn trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	218.181.818	58.375.000	(218.181.818)	-	58.375.000
Thuế thu nhập cá nhân	235.214.551	756.622.194	(718.459.744)	(97.736.100)	175.640.901
Thuế thu nhập doanh nghiệp	422.411.809	641.546.656	(422.411.809)	-	641.546.656
Thuế nhà thầu	-	126.886.500	(126.886.500)	-	-
	875.808.178	1.583.430.350	(1.485.939.871)	(97.736.100)	875.562.557

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Chi phí đào tạo	220.000.000	14.465.675
Dịch vụ chuyên môn	162.000.000	140.000.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	148.500.000
Chi phí khác	336.832.608	312.942.327
	<u>718.832.608</u>	<u>615.908.002</u>

16. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư được trích lập theo quy định của Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính (“Thông tư 212”) về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 146”) hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ.

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021 và 31/12/2020	
	Được duyệt và phát hành	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.000.000	130.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	130.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, không phát hành cổ phiếu ưu đãi trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 30 tháng 6 năm 2020.

Không có biến động vốn cổ phần trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 30 tháng 6 năm 2020.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	130.000.000.000	(2.608.500.000)	2.511.687.765	2.511.687.765	63.407.457.422	195.822.332.952
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.204.168.624	3.204.168.624
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	130.000.000.000	(2.608.500.000)	2.511.687.765	2.511.687.765	66.611.626.046	199.026.501.576
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	130.000.000.000	(2.608.500.000)	2.261.477.073	2.261.477.073	58.903.664.966	190.818.119.112
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(8.937.761.786)	(8.937.761.786)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	130.000.000.000	(2.608.500.000)	2.261.477.073	2.261.477.073	49.965.903.180	181.880.357.326

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

19. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.376.298.000	731.602.832
Trong vòng hai đến năm năm	2.458.095.750	-
	3.834.393.750	731.602.832

20. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác sau:

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Lê Nguyễn Chí Cường (i)	431.758.598	-
Phạm Anh Khoa (ii)	66.982.648	76.425.717
Nguyễn Cảnh Thịnh (iii)	53.639.595	-
Việt Thụy Tố Quyên (iv)	43.812.296	-
Lê Quỳnh Kim Ngân (v)	39.250.774	-
Trần Ngô Anh Thy (vi)	27.156.360	6.353.094
Nguyễn An Thiên Trang (vii)	19.499.058	-
Huỳnh Chí Phương Quyên (viii)	17.421.029	21.058.742
Chung Bích Nga (ix)	14.404.015	-
Lê Ninh Giang (x)	9.030.985	52.628.774
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture (xi)	4.155.389	34.871.725
Công ty TNHH Phoenix Holdings (xii)	2.355.065	7.276.759
Nguyễn Thị Ngọc Như (xiii)	963.442	9.564.701
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures – (“VCV”) (xiv)	470.175	8.697.866
Nguyễn Cao Luân (xv)	274.722	1.542.160
	731.174.151	218.419.538
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
Kalidas Ghose (xvi)	790.724.940	801.457.984
Jang Hyungsik (xvii)	30.660.314	39.540.671
	821.385.254	840.998.655
	1.552.559.405	1.059.418.193

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong kỳ của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) Lê Nguyễn Chí Cường

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	22.440.196.954	-
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	22.440.000.000	-
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	196.954	-
Giảm trong kỳ	(22.008.438.356)	-
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(22.000.000.000)	-
<i>Phí quản lý</i>	(5.388.356)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(300.000)	-
<i>Chi khác</i>	(2.750.000)	-
Số dư cuối kỳ	431.758.598	-

(ii) Phạm Anh Khoa

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	76.425.717	165.697.459
Tăng trong kỳ	68.875	146.906
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	68.875	146.906
Giảm trong kỳ	(9.511.944)	(41.943.000)
<i>Phí quản lý</i>	(7.684.444)	(40.443.000)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.800.000)	(1.500.000)
<i>Chi khác</i>	(27.500)	-
Số dư cuối kỳ	66.982.648	123.901.365

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(v) Lê Quỳnh Kim Ngân

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ		
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	2.040.017.897	-
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	2.040.000.000	-
	17.897	-
Giảm trong kỳ		
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(2.000.767.123)	-
<i>Phí quản lý</i>	(2.000.000.000)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(47.123)	-
<i>Chi khác</i>	(300.000)	-
	(420.000)	-
Số dư cuối kỳ	39.250.774	-

(vi) Trần Ngô Anh Thy

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	6.353.094	603.582.942
Tăng trong kỳ		
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	1.057.730.205	336.116
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	1.057.713.818	-
	16.387	336.116
Giảm trong kỳ		
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(1.036.926.939)	(552.402.335)
<i>Phí quản lý</i>	(1.000.000.000)	(500.000.000)
<i>Phí lưu ký</i>	(34.589.439)	(50.582.335)
<i>Chi khác</i>	(2.100.000)	(1.500.000)
	(237.500)	(320.000)
Số dư cuối kỳ	27.156.360	51.516.723

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(vii) Nguyễn An Thiên Trang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	1.020.009.058	-
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	1.020.000.000	-
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	9.058	-
Giảm trong kỳ	(1.000.510.000)	-
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(1.000.000.000)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(300.000)	-
<i>Chi khác</i>	(210.000)	-
Số dư cuối kỳ	19.499.058	-

(viii) Huỳnh Chí Phương Quyên

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	21.058.742	43.396.377
Tăng trong kỳ	18.676	39.496
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	18.676	39.496
Giảm trong kỳ	(3.656.389)	(9.149.400)
<i>Phí quản lý</i>	(1.828.889)	(7.649.400)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.800.000)	(1.500.000)
<i>Chi khác</i>	(27.500)	-
Số dư cuối kỳ	17.421.029	34.286.473



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ix) Chung Bích Nga

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	1.515.019.015	-
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	1.515.000.000	-
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	19.015	-
Giảm trong kỳ	(1.500.615.000)	-
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(1.500.000.000)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(300.000)	-
<i>Chi khác</i>	(315.000)	-
Số dư cuối kỳ	14.404.015	-

(x) Lê Ninh Giang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	52.628.774	986.942.104
Tăng trong kỳ	25.500	554.468
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	-
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	25.500	554.468
Giảm trong kỳ	(43.623.289)	(899.200.619)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	-	(811.935.191)
<i>Phí quản lý</i>	(41.098.775)	(84.896.082)
<i>Phí lưu ký</i>	(2.497.014)	(1.912.095)
<i>Chi khác</i>	(27.500)	(457.251)
Số dư cuối kỳ	9.030.985	88.295.953

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(xi) Công ty TNHH MTV Digiworld Venture

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	34.871.725	-
Tăng trong kỳ	131.182	7.075.398.907
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	7.075.050.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	21.182	348.907
<i>Thu khác</i>	110.000	-
Giảm trong kỳ	(30.847.518)	(823.823.396)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	-	-
<i>Hoàn vốn ủy thác chuyển dư</i>	-	(823.823.396)
<i>Phí quản lý</i>	(28.963.216)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(1.856.802)	-
<i>Chi khác</i>	(27.500)	-
Số dư cuối kỳ	4.155.389	6.251.575.511

(xii) Công ty TNHH Phoenix Holdings

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	7.276.759	644.568.467
Tăng trong kỳ	140.256.472	2.530.829.637
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	140.239.331	2.530.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	17.141	829.637
Giảm trong kỳ	(145.178.166)	(3.055.990.381)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	-	(2.907.614.809)
<i>Phí quản lý</i>	(139.870.366)	(143.222.201)
<i>Phí lưu ký</i>	(5.280.300)	(3.762.610)
<i>Chi khác</i>	(27.500)	(1.390.761)
Số dư cuối kỳ	2.355.065	119.407.723

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(xiii) Nguyễn Thị Ngọc Như

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	9.564.701	510.211.646
Tăng trong kỳ	5.130	268.784
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	-
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	5.130	268.784
Giảm trong kỳ	(8.606.389)	(504.565.000)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	-	(500.000.000)
<i>Phí quản lý</i>	(6.778.889)	(2.745.000)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.800.000)	(1.500.000)
<i>Chi khác</i>	(27.500)	(320.000)
Số dư cuối kỳ	963.442	5.915.430

(xiv) VCV

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	8.697.866	4.851.280
Tăng trong kỳ	3.902	585.042.976
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	584.950.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	3.902	92.976
Giảm trong kỳ	(8.231.593)	(588.330.872)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	-	(579.950.000)
<i>Phí quản lý</i>	(6.404.093)	(6.525.694)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.800.000)	(1.500.000)
<i>Chi khác</i>	(27.500)	(355.178)
Số dư cuối kỳ	470.175	1.563.384

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(xv) Nguyễn Cao Luân

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	1.542.160	12.742.738
Tăng trong kỳ	10.004.534	500.136.528
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	<i>10.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	<i>4.534</i>	<i>136.528</i>
Giảm trong kỳ	(11.271.972)	(505.583.904)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	<i>-</i>	<i>(500.000.000)</i>
<i>Phí quản lý</i>	<i>(9.444.472)</i>	<i>(3.763.904)</i>
<i>Phí lưu ký</i>	<i>(1.800.000)</i>	<i>(1.500.000)</i>
<i>Chi khác</i>	<i>(27.500)</i>	<i>(320.000)</i>
Số dư cuối kỳ	274.722	7.295.362

(xvi) Kalidas Ghose

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	801.457.984	-
Tăng trong kỳ	904.552	2.358.453.380
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	<i>-</i>	<i>2.358.350.000</i>
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	<i>794.552</i>	<i>103.380</i>
<i>Thu khác</i>	<i>110.000</i>	-
Giảm trong kỳ	(11.637.596)	-
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Phí quản lý</i>	<i>(9.810.096)</i>	<i>-</i>
<i>Phí lưu ký</i>	<i>(1.800.000)</i>	<i>-</i>
<i>Chi khác</i>	<i>(27.500)</i>	<i>-</i>
Số dư cuối kỳ	790.724.940	2.358.453.380



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(xvii) Jang Hyungsik

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	39.540.671	3.053.399.801
Tăng trong kỳ	50.033.254	1.638.537
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	50.000.000	-
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	33.254	1.638.537
Giảm trong kỳ	(58.913.611)	(2.957.270.222)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	-	(2.899.750.000)
<i>Phí quản lý</i>	(57.086.111)	(54.630.247)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.800.000)	(1.500.000)
<i>Chi khác</i>	(27.500)	(1.389.975)
Số dư cuối kỳ	30.660.314	97.768.116

21. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Chứng khoán chưa niêm yết	85.965.099.771	48.465.099.771
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
Chứng khoán chưa niêm yết	7.346.833.318	7.346.833.318
	93.311.933.089	55.811.933.089

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiết danh mục đầu tư nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác như sau:

Chứng khoán chưa niêm yết	30/6/2021			31/12/2020		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND
▪ CTCP Thực phẩm G.C	3.750.000	37.500.000.000	Không xác định	-	-	Không xác định
▪ CTCP CMEGO	4.500	17.471.250.000	Không xác định	4.500	17.471.250.000	Không xác định
▪ CTCP Giải Pháp Gene	68.964	17.398.500.000	Không xác định	68.964	17.398.500.000	Không xác định
▪ CTCP Công Nghệ Ecotruck	37.739	9.990.000.000	Không xác định	37.739	9.990.000.000	Không xác định
▪ CTCP E2	354.800	3.215.516.500	Không xác định	354.800	3.215.516.500	Không xác định
▪ CTCP Giải Pháp Tài Chính Toàn Diện	15.119	7.736.666.589	Không xác định	15.119	7.736.666.589	Không xác định
	4.231.122	93.311.933.089		481.122	55.811.933.089	

Mệnh giá của các chứng khoán chưa niêm yết như sau:

Chứng khoán chưa niêm yết	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
	42.311.220.000	4.811.220.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải thu khác	-	220.000

23. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh 8)	160.995.584	140.000.028
Phí lưu ký	3.096.219	2.496.219
Phí khác	3.187.323.540	2.455.726.994
	3.351.415.343	2.598.223.241

24. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (i)	417.380.563	313.613.975
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (ii)	369.989.825	557.821.699
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	-	352.677.460
Doanh thu khác	17.926.819	3.063.322
	805.297.207	1.227.176.456

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ” hoặc “VCAMBF”) là quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký	Giá trị tài sản ròng tại ngày 30/6/2021 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2020 VND
VCAMBF	Quỹ mở	Số 11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014	103.482.821.810	83.573.284.315

Theo điều lệ quỹ của Quỹ, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng tương đương một phần mười hai của 0,90% tính trên tổng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ.

Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ của Quỹ lần lượt là 0,5% - 5,0% giá trị đăng ký mua và 0,5% - 3,0% giá trị bán thực hiện.

- (ii) Công ty đã ký các hợp đồng đầu tư ủy thác với các nhà đầu tư ủy thác theo đó Công ty được nhận phí quản lý và phí thưởng hoạt động. Phí thưởng hoạt động chỉ được nhận khi Công ty đáp ứng được các điều kiện nêu trong hợp đồng ủy thác đầu tư. Không có khoản phí thưởng hoạt động nào phải thu từ các nhà đầu tư ủy thác cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 vì các điều kiện không được đáp ứng (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: không).

25. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	3.381.735.023	2.995.706.331
Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	2.167.813.151	558.180.605
Chi phí thuê văn phòng	959.569.123	757.362.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.267.739	9.400.066
Chi phí khác	1.381.652.307	1.042.836.236
	7.903.037.343	5.363.485.838

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	14.794.264.087	568.062.711
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	966.113.180	2.039.908.721
Cổ tức được chia	637.982.000	50.000.000
	16.398.359.267	2.657.971.432

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	1.130.981.492	16.442.120.023
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	495.069.553	(11.287.219.026)
	1.626.051.045	5.154.900.997

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	2.156.382.075	1.465.346.985
Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	502.363.491	71.442.538
Chi phí thuê và bảo hiểm văn phòng	376.386.431	372.188.866
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.820.039	4.599.932
Chi phí khác	785.900.770	390.944.518
	3.828.852.806	2.304.522.839

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Kỳ hiện hành	641.546.656	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	3.845.715.280	(8.937.761.786)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	769.143.056	(1.787.552.357)
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	1.795.300
Thu nhập được miễn thuế - cổ tức	(127.596.400)	(10.000.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	1.795.757.057
	641.546.656	-

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

30. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được tính dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 3.204.168.624 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: lỗ thuần 8.937.761.786 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.000.000 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 13.000.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	3.204.168.624	(8.937.761.786)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 Cổ phiếu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 Cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	13.000.000	13.000.000

(iii) Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	246	(688)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày báo cáo, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Số dư với các bên liên quan

Công ty có các khoản đầu tư sau đây vào các bên liên quan:

	30/6/2021		31/12/2020	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Quỹ do Công ty quản lý				
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt – VCAMBF	5.840.244,34	60.929.276.988	5.840.244,34	60.929.276.988
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần đầu tư Việt Capital Ventures – VCV	196.000	1.960.000.000	196.000	1.960.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư với các bên liên quan khác như sau:

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần đầu tư Việt Capital Ventures – VCV		
Phải thu phí quản lý quỹ	4.816.302	1.640.718
Quỹ do Công ty quản lý		
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt – VCAMBF		
Phải thu phí quản lý quỹ	75.430.191	62.264.313
Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	2.283.892	292.854
Bên liên quan		
Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt		
Tiền gửi có kỳ hạn	11.000.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.526.028	-
Tiền gửi không kỳ hạn	85.485.374	120.525.561
Tiền lương, thưởng, thù lao và trợ cấp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thưởng, thù lao và trợ cấp	-	148.500.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

32. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Thuyết minh	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	26.741.762.948	9.411.509.393
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	(iii)	20.000.000.000	27.000.000.000
Phải thu khách hàng – gộp	(iv)	1.000.000.000	6.748.016.030
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	(iv)	1.238.709.667	2.602.557.195
Phải thu ngắn hạn khác	(iv)	618.812.545	1.073.708.727
Phải thu dài hạn khác	(iv)	994.188.484	681.393.484
		<hr/>	<hr/>
		50.593.473.644	47.517.184.829

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm chứng chỉ tiền gửi do tổ chức uy tín phát hành. Tổng Giám đốc không nhận thấy bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ chứng chỉ tiền gửi và tin rằng tổ chức này sẽ không vỡ nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iv) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu từ bán chứng khoán, phải thu hoạt động tư vấn, phải thu hoạt động quản lý quỹ, phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, phải thu lãi từ chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu và các khoản phải thu khác. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty. Các khoản phải thu từ bán chứng khoán phản ánh số tiền phải thu từ việc bán chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết chờ thanh toán. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là không đáng kể. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có một khoản dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 1.000.000.000 VND (31/12/2020: 1.000.000.000 VND) liên quan đến khoản phải thu từ giao dịch bán cổ phần trong Công ty Cổ phần E-Study School (Thuyết minh 10).

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả	718.832.608	718.832.608	718.832.608
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	36.257.235	36.257.235	36.257.235
	755.089.843	755.089.843	755.089.843

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả	467.408.002	467.408.002	467.408.002
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	36.257.235	36.257.235	36.257.235
	503.665.237	503.665.237	503.665.237

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	15.741.762.948	9.411.509.393
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	20.000.000.000	27.000.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	-	13.075.123.288
	46.741.762.948	49.486.632.681

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro lãi suất do các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty có lãi suất cố định.

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iii) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ.

Công ty đầu tư vào các chứng chỉ quỹ, cổ phiếu được niêm yết trên các sàn HOSE, HNX và chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM và trái phiếu chưa niêm yết. Giá trị của các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM do Công ty nắm giữ là 172.629.366.400 VND (30/6/2020: 45.283.070.151 VND). Nếu giá thị trường của các cổ phiếu này tăng hoặc giảm 33% tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (30/6/2020: 12%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng tương ứng là 380.918.778 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 860.394.711 VND) hoặc giảm tương ứng là 8.174.689.462 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 2.409.461.723 VND).

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ của chúng được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2021		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
▪ Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	66.836.166.290	96.034.301.600	39.649.928.613	41.367.538.000
▪ Cổ phiếu chưa niêm yết xác định được giá trị	12.501.000.000	12.501.000.000	26.567.325.332	31.277.340.000
▪ Chứng chỉ quỹ mở	60.929.276.988	90.476.598.096	60.929.276.988	74.941.139.334
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i>				
▪ Đầu tư dài hạn khác	9.600.000.000	Không xác định	9.600.000.000	Không xác định

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	30/6/2021		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Chứng chỉ tiền gửi	20.000.000.000	20.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000
▪ Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	13.075.123.288	Không xác định
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	26.829.507.890	26.829.507.890	9.433.478.423	9.433.478.423
▪ Phải thu khách hàng – góp	1.000.000.000	1.000.000.000	6.748.016.030	6.748.016.030
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	1.238.709.667	1.238.709.667	2.602.557.195	2.602.557.195
▪ Phải thu ngắn hạn khác	618.812.545	618.812.545	1.073.708.727	1.073.708.727
▪ Phải thu dài hạn khác	994.188.484	994.188.484	681.393.484	681.393.484
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Chi phí phải trả	718.832.608	718.832.608	467.408.002	467.408.002
▪ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	36.257.235	36.257.235	36.257.235	36.257.235

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán kinh doanh

Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán và chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM), giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá trị hợp lý là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính sẵn sàng để bán để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Các công cụ tài chính khác

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng lần lượt tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

33. Các yếu tố theo mùa vụ hoặc chu kỳ

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ hoặc chu kỳ ngoại trừ khoản mục sau:

Các quỹ dự trữ bắt buộc

Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc hàng năm theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành nên Công ty sẽ trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc này vào cuối kỳ kế toán năm.

34. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm, Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 so với ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hay báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

35. Các khoản mục bất thường

Không có các khoản mục bất thường trọng yếu nào trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

36. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Ông Phạm Phó Hop
Tổng Giám đốc

